

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NẬM NÈN
TRƯỜNG PTDTBT TIỂU HỌC NẬM NÈN

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC
CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
KHỐI 2+3**

NĂM HỌC 2025 - 2026

TRƯỜNG PTDTBT TH NẬM NÈN
TỔ KHỐI 2+3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nậm Nèn, ngày 04 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHỐI 2+3 Năm học 2025 – 2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ Công văn số 4555/BGDDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2025, tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên,

Căn cứ vào kế hoạch Giáo dục nhà trường số 34/KH -PIDIBT-THNN, ngày 4/9/2025 của chuyên môn trường PTDTBT Tiểu học Nậm Nèn.

Căn cứ tình hình thực tế của tổ khối 2 + 3 xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

II. Điều kiện thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục

1. Đội ngũ giáo viên:

ST T	Họ và tên	Nữ	DT	XLCM năm học trước				Nhiệm vụ giao
				Giỏi cấp tỉnh	Giỏi cấp huyện	Giỏi cấp trường	XL khác	
1	Lê Thị Thanh Lý	x	Kinh					Chủ nhiệm lớp, dạy chuyên, kiêm nhiệm....
2	Nguyễn Thị Thủy	x	Kinh			x		Chủ nhiệm và giảng dạy lớp 3A1 T. tâm
3	Vũ Thị Dung	x	Kinh			x		Chủ nhiệm và giảng dạy lớp 3A21 T. tâm
4	Lò Thị Nga	x	Kho Mú					Chủ nhiệm và giảng dạy lớp ghép 1+2 Háng Trờ 2A1. T.tâm

5	Lò Thị Hương	x	Thái		x			Chủ nhiệm và giảng dạy lớp 2A2 T. tâm
6	Quảng Thị Lan	x	Thái		x			Giảng dạy môn Tiếng Anh khối 3+4
7	Sinh A Khá		Mông			x		Giảng dạy môn Tin học, công nghệ
8	Ngô Thị Hoa	x	Kinh		x			Giảng dạy môn Âm nhạc T. tâm, TPTĐ

- Đảm bảo tỉ lệ 1,5 GV/lớp và cơ cấu giáo viên dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

- Số GV đạt chuẩn đào tạo trở lên: 8/8 tỉ lệ 100%

- Số GV nữ: 7/8 tỉ lệ 87,5%

- Chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 7 tỉ lệ 87,5%, Khá: 1 tỉ lệ 12,5%,

- Khả năng UDCNTT: 8/8 đ/c

- Số GV sử dụng thành thạo bài giảng trình chiếu: 8/8 đ/c

- Đổi mới PP dạy học: 8/8 đ/c

- 100% cán bộ giáo viên trong tổ nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao, năng động, sáng tạo trong công việc.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên của tổ khối 2+3 có trình độ, luôn duy trì và giữ vững khối đoàn kết cùng giúp đỡ nhau khắc phục mọi khó khăn, sẵn sàng nhận và phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được phân công. Nhiều giáo viên gương mẫu, tận tâm, tận lực với nghề; bám trường bám lớp ở điểm trường, hết lòng vì học sinh, thực sự là tấm gương sáng cho đồng nghiệp, học sinh noi theo

Cụ thể:

	TS	Trình độ CM				Đảng	Trình độ LLCT		Thừa (+) thiếu (-)
		TS	ĐH	CĐ	TC		TC	SC	
Quản lý	1	0	1			1	1	0	
Giáo viên	7	0	7	0		4	0	0	0
Cộng	8	0	8	0	0	5	1	0	

2. Đặc điểm đối tượng học sinh

* Điểm mạnh

Tổ khối 2+3 luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Ban giám hiệu nhà trường, các ban ngành đoàn thể, được đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

Năm học 2025-2026 tiếp tục đổi mới công tác dạy và học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị dạy học phù hợp với tình hình thực tế học sinh từng lớp; vận dụng linh hoạt các

phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp nhằm phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh như kiến thức, thể thao, hội họa, ca hát,...; tích cực phối hợp giữa nhà trường, cha, mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp cao; đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Nhiều em có đặc điểm tâm lý của học sinh hồn nhiên, ngây thơ, tình cảm trong sáng, dễ xúc động và dễ tiếp thu những điều mới. Các em giàu trí tưởng tượng, thích khám phá, ham tìm tòi nên dễ tạo hứng thú trong học tập.

Các chế độ chính sách của Đảng, nhà nước cho người dạy, người học ở vùng dân tộc thiểu số, vùng kinh tế xã hội khó khăn được quan tâm đúng mức.

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới tổ được tự chủ xây dựng chương trình giáo dục bộ môn, chương trình giáo dục chung cho phù hợp với đặc điểm riêng của tổ.

Trong năm học 2025 -2026 các lớp của tổ khối 2+3 được tiếp nhận đầy đủ văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các cấp về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tổ có tổng số 139 học sinh với 4 lớp đơn và 2 lớp ghép. Đủ số lượng phòng học để tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường, đảm bảo tỉ lệ 1 phòng/lớp.

*** Điểm yếu**

Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 98% số học sinh toàn khối, các em vốn tiếng Việt còn hạn chế năng lực tiếp thu của học sinh không đồng đều. Một số em học nhanh, sáng tạo nhưng có em tiếp thu chậm, dễ quên kiến thức cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng học tập. Phần đa học sinh ở xa trung tâm, không được tiếp xúc nhiều với công nghệ hiện đại nên còn rụt rè, chậm thích ứng với phương pháp học hiện đại,....

Một số học sinh chịu tác động từ thiết bị điện tử, trò chơi trực tuyến, mạng xã hội... dẫn đến giảm khả năng tập trung, ảnh hưởng nề nếp học tập và giao tiếp.

Điều kiện kinh tế của một số phụ huynh còn khó khăn, tổ có 86/139 chiếm 61,9% gia đình học sinh là hộ nghèo nên sự quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất cho con em học tập còn hạn chế.

Nhiều phụ huynh còn ỷ lại vào chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, phó mặc việc giáo dục cho Giáo viên nên việc quan tâm đến con chưa đúng mức.

Địa bàn rộng, dân cư không tập trung, đời sống của đồng bào các dân tộc trong xã còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, nhận thức của đồng bào các dân tộc về nhu cầu học tập của con em đã có chuyển biến song các là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn đặc biệt là bản Háng Trờ, Lũng Thàng việc nhận thức còn hạn chế đã ảnh hưởng đến việc huy động, duy trì số lượng và tỷ lệ chuyên cần của học sinh.

Cụ thể học sinh của khối :

STT	Lớp	Tổng số HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	K tật	Mồ côi	Bán trú	Nữ Bán trú
1	2A1	28	11	28	11	0	0	18	9
2	2A2	28	15	28	15	0	1	19	9
3	2 HM	7	3	7	3	0	0		
4	2PĐA	4	3	3	2	0	0		
5	3A1	36	17	36	17	2	1	24	11
6	3A2	36	18	34	16	1	1	24	12
Tổng		139	67	136	64	3	3	84	41

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026 (Mức độ học sinh cần đạt được về phẩm chất và năng lực; số lượng, chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường...)

1. Huy động và duy trì số lượng học sinh

- Duy trì 139/139 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2. Chất lượng giáo dục:

* **Chất lượng giáo dục toàn diện**

* **Về năng lực**

- **Về những năng lực cốt lõi :**

Nội dung	Xếp loại	Lớp											
		Lớp 2A1-28 HS		Lớp 2A2-28 HS		Lớp 1+2 HM – 7 HS		Lớp 1+2 PĐA - 4 HS		Lớp 3A1 36 HS		Lớp 3A2 36 HS	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Tự chủ và tự học.	Tốt	18	64,3	19	67,9	4	57,1	2	50,0	23	63,9	23	63,9
	Đạt	10	35,7	9	32,1	3	42,9	2	50,0	13	36,1	13	36,1
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0,00	0	0,0	0	0,0
Giao tiếp và hợp tác.	Tốt	17	60,7	18	64,3	3	42,9	2	50,0	22	61,1	23	63,9
	Đạt	11	39,3	10	35,7	4	57,1	2	50,0	14	38,9	13	36,1
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0,00	0	0,0	0	0,0
Giải quyết vấn đề và sáng tạo.	Tốt	17	60,7	17	60,7	3	42,9	2	50,0	22	61,1	21	58,3
	Đạt	11	39,3	11	39,3	4	57,1	2	50,0	14	38,9	15	41,7

tao	CC G	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
-----	---------	---	-----	---	-----	---	------	---	---	---	-----	---	-----

- Về Những năng lực đặc thù:

Nội dung	Xếp loại	Lớp											
		Lớp 2A1-28 HS		Lớp 2A2-28 HS		Lớp 1+2 HM - 7 HS		Lớp 1+2 PĐA - 4 HS		Lớp 3A1 36 HS		Lớp 3A2 36 HS	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Ngôn ngữ	Tốt	16	57,1	16	57,1	3	42,9	2	50	20	55,6	20	55,6
	Đạt	12	42,9	12	42,9	4	57,1	2	50	16	44,4	16	44,4
	CCG	0	0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Tính toán	Tốt	16	57,1	17	60,7	3	42,9	2	50	19	52,8	20	55,6
	Đạt	12	42,9	11	39,3	4	57,1	2	50	17	47,2	16	44,4
		0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Khoa học	Tốt	17	60,7	17	60,7	3	42,9	2	50	21	58,3	21	58,3
	Đạt	11	39,3	11	39,3	4	57,1	2	50	15	41,7	15	41,7
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Công nghệ										21	61,1	22	61,1
										15	38,9	14	38,9
										0	0,0	0	0,0
Tin học										21	61,1	21	61,1
										15	38,9	15	38,9
										0	0,0	0	0,0
Thẩm Mỹ	Tốt	Tốt	18	64,3	18	64,3	4	57,1	2	50,0	61,1	22	61,1
	Đạt	Đạt	10	35,7	10	35,7	3	42,9	2	50,0	38,9	14	38,9
	CCG	CC G	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0,0	0	0,0
Thể	Tốt	Tốt	18	64,3	19	67,9	4	57,1	2	50,0	63,9	23	63,9

chất	Đạt	Đạt	10	35,7	9	32,1	3	42,9	2	50,0	36,1	13	36,1
	CCG	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0,0	0	0,0

***Về phẩm chất:**

Nội dung	Xếp loại	Lớp											
		Lớp 2A1-28 HS		Lớp 2A2-28HS		Lớp 1+2 HM - 7 HS		Lớp 1+2 PĐA - 4 HS		Lớp 3A1 36 HS		Lớp 3A2 36 HS	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Yêu nước	Tốt	23	82,1	24	85,7	6	85,7	3	75	30	83,3	30	83,3
	Đạt	5	17,9	4	14,3	1	14,3	1	25	6	16,7	6	16,7
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Nhân ái	Tốt	23	82,1	23	82,1	5	85,7	3	75	30	83,3	31	86,1
	Đạt	5	17,9	5	17,9	2	14,3	1	25	6	16,7	5	18,9
		0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Chăm chỉ	Tốt	17	60,7	17	60,7	3	42,9	2	50	21	58,3	21	58,3
	Đạt	11	39,3	11	39,3	4	57,1	2	50	15	41,7	15	41,7
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Trung thực	Tốt	22	78,6	23	82,1	4	57,1	3	75	29	80,1	29	80,1
	Đạt	6	21,4	5	17,9	3	42,9	1	25	7	38,9	7	38,9
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Trách nhiệm	Tốt	21	75,0	21	75,0	4	57,1	3	75	27	75,0	27	75,0
	Đạt	7	25,0	7	25,0	3	42,9	1	25	9	25,0	9	25,0
	CCG	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0

*** Quá trình học tập các môn học và HĐGD:**

Môn học	Xếp	Lớp
---------	-----	-----

	loại	Lớp 2A1- 28 HS		Lớp 2A2- 28 HS		Lớp 1+2 HM - 7 HS		Lớp 1+2 PĐA - 4 HS		Lớp 3A1 36 HS		Lớp 3A2 36 HS	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
Tiếng việt	HTT	16	57,1	16	57,1	3	42,9	2	50	20	55,6	20	55,6
	HT	12	42,9	12	42,9	4	57,1	2	50	16	44,4	16	44,4
	CHT	0	0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Toán	HTT	16	57,1	17	60,7	3	42,9	2	50	19	52,8	20	55,6
	HT	12	42,9	11	39,3	4	57,1	2	50	17	47,2	16	44,4
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Đạo Đức	HTT	18	64,3	19	67,9	4	57,1	2	50,0	23	63,9	23	63,9
	HT	10	35,7	9	32,1	3	42,9	2	50,0	13	36,1	13	36,1
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
TNXH	HTT	17	60,7	17	60,7	3	42,9	2	50	21	58,3	21	58,3
	HT	11	39,3	11	39,3	4	57,1	2	50	15	41,7	15	41,7
		0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Âm nhạc	HTT	18	64,3	18	64,3	4	57,1	2	50,0	23	63,9	23	63,9
	HT	10	35,7	10	35,7	3	42,9	2	50,0	13	36,1	13	36,1
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Mỹ thuật	HTT	18	64,3	18	64,3	4	57,1	2	50,0	22	61,1	22	61,1
	HT	10	35,7	10	35,7	3	42,9	2	50,0	14	38,9	14	38,9
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
Thể chất	HTT	18	64,3	19	67,9	4	57,1	2	50,0	23	63,9	23	63,9
	HT	10	35,7	9	32,1	3	42,9	2	50,0	13	36,1	13	36,1
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
HĐTN	HTT	18	64,3	19	67,9	4	57,1	3	75	23	63,9	23	63,9
	HT	10	35,7	9	32,1	3	42,9	1	25	13	36,1	13	36,1
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0

Tiếng anh	HTT									20	55,6	21	58,3
	HT									16	44,4	15	41,7
	CHT									0	0,0	0	0,0
Tin học	HTT									22	61,1	22	61,1
	HT									14	38,9	14	38,9
	CHT									0	0,0	0	0,0
Công nghệ	HTT									21	58,3	22	61,1
	HT									15	41,7	14	38,9
	CHT									0	0,0	0	0,0
Tăng cường TV	HTT	17	60,7	17	60,7	3	42,9	2	50	21	58,3	21	58,3
	HT	11	39,3	11	39,3	4	57,1	2	50	15	41,7	15	41,7
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
ĐSTV	HTT	17	60,7	18	64,3	4	57,1	2	50,0	22	61,1	22	61,1
	HT	11	39,3	10	35,7	3	42,9	2	50,0	14	38,9	14	38,9
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0
GDDP	HTT	18	64,3	18	64,3	4	57,1	2	50,0	23	63,9	23	63,9
	HT	10	35,7	10	35,7	3	42,9	2	50,0	13	36,1	13	36,1
	CHT	0	0,0	0	0,0	0	0,00	0	0	0	0,0	0	0,0

***Kết quả xếp loại cuối năm**

Lớp	TSHS được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT	
		TS	%	TS	%	TS	%	TS	%
2A1	28	5	17,9	10	35,7	13	46,4	0	0
2A2	28	6	21,4	10	35,7	12	42,9	0	0
2PĐA	4	1	25,0	1	25,0	2	50,0	0	0
2 -HM	7	2	28,6	1	28,6	4	42,8	0	0
3A1	36	7	19,4	13	36,1	16	44,5	0	0
3A2	36	8	22,2	13	36,1	15	41,7	0	0
Tổng	139	29	20,9	48	34,5	62	44,6	0	0

- 100% HS tại khối tham gia học hoạt động Tăng cường Tiếng Việt, đọc thư viện đạt hiệu quả.

***Khen thưởng cuối năm**

Lớp	TSHS	HS Hoàn thành xuất sắc	HS tiêu biểu
-----	------	------------------------	--------------

		TS	%	TS	%
2A1	28	5	17,9	7	25,0
2A2	28	6	21,4	8	28,6
2PĐA	4	1	25,0	1	25,0
2 -HM	7	2	28,6	1	14,3
3A1	36	7	19,4	9	25
3A2	36	8	22,2	9	25

* Đọc sách thư viện: Thực hiện theo thông tư 16/TT- BGDDT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục Mầm non và phổ thông tại khoản 1 điều 14 Tiêu chuẩn về quản lý thư viện: Quản lý tài nguyên thông tin, cơ sở vật chất thiết bị chuyên dùng và hoạt động thư viện; Trách nhiệm các bên liên quan: Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, người làm công tác thư viện, giáo viên; người làm công tác thư viện.

Phối kết hợp với tổ chuyên môn, giáo viên, cán bộ thư viện để chuẩn bị mọi điều kiện như xây dựng kế hoạch, hệ thống hồ sơ sổ sách đảm bảo cho các em học sinh học tiết đọc thư viện đúng theo yêu cầu môn học, cung cấp cho các em nhiều kiến thức về tiếng việt, giáo dục phẩm chất và năng lực cho học sinh thông qua môn học. Giáo viên cần xây dựng và phát triển phong trào đọc sách trong GV và HS toàn trường, hướng tới một xã hội học tập, một nét đẹp trong đời sống tinh thần của cộng đồng.

Học sinh thực hiện tiết đọc thư viện trong 35 tuần, mỗi tuần một tiết.

* Vở sạch chữ đẹp:

- Số lớp có phong trào vở sạch chữ đẹp: 4/4 lớp đạt tỷ lệ 100%

- Số HS giữ vở sạch: 139/139 = 100%

+ Phong trào vở sạch chữ đẹp: khối 2 là 31/67 HS đạt tỉ lệ 44,8%

Khối 3 là 35/72 HS đạt tỉ lệ 48,6 %

* Tổ chức các HĐGD, sân chơi trí tuệ và giao lưu:

+ Tìm hiểu An toàn giao thông (Tháng 10): 139/139 HS = 100%

+ Giao lưu tiếng Việt (Tháng 3): 35/139 = 25,2%

Khối 2: 17/67 HS đạt tỉ lệ 25,4%

Khối 3: 20/72 HS đạt tỉ lệ 27,8%

+ Giao lưu Toán tuổi thơ (Tháng 4): 35/139 = 25,2%

Khối 2: 17/67 HS đạt tỉ lệ 25,4%

Khối 3: 20/72 HS đạt tỉ lệ 27,8%

+ Kể chuyện theo sách 139/139 HS tham gia

+ Triển lãm tranh theo chủ đề: 20/10; 20/11; 8/3; 20/3: 139/139 HS = 100%

+ Triển lãm sách (Tháng 4): 100% HS tham gia

+ Câu lạc bộ tiếng Anh “Rung Chuông vàng” (tháng 5): Khối 3: 20/72 HS = 27,8%

+ Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng: 1-2 sản phẩm thi cấp trên.

* Chỉ tiêu về thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường, trang trí lớp theo quy định

+ 139/139 đạt 100% HS được tham gia các buổi chính khóa, các hoạt động tập thể.

+ 139/139 đạt 100% HS các lớp được tham gia các hoạt động trải nghiệm, ca múa hát sân trường.

+ 139/139 đạt 100% HS các lớp đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trước khi đến lớp, 100% các lớp đảm bảo vệ sinh môi trường giáo dục sư phạm.

+ Phần đầu mặc đồng phục 100% vào các buổi thứ 2, thứ 5 và các ngày lễ lớn do nhà trường tổ chức.

+ 6/6 lớp trang trí theo quy định đạt 100%.

* Hoạt động đội thiếu niên, sao nhi đồng.

- Duy trì thường xuyên các hoạt động thể dục vệ sinh, trang trí trường lớp. Công tác đội thiếu niên, sao nhi đồng. Phần đầu thực hiện tốt chủ đề thi đua trong năm học:

“Thiếu nhi Điện Biên vững bước tiến vào kỷ nguyên mới”.

* Nội dung trọng tâm:

Thiếu nhi Điện Biên thi đua làm theo 5 điều Bác Hồ dạy.

- Số HS đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ: 115/139 = 82,7%

4. Chất lượng đội ngũ

- Đánh giá, xếp loại giáo viên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 2/8 đ/c đạt tỷ lệ 25%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 6/8 đ/c đạt tỷ lệ 75%; Hoàn thành nhiệm vụ: 0

- Xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 6/8 đạt tỷ lệ 75 %; Khá 2/7 đạt tỷ lệ 25%.

- Chất lượng hồ sơ: Tốt: 7/8 đ/c đạt tỷ lệ 87,5%, Khá: 1/8 đ/c đạt tỷ lệ 12,5%;

- Số đồ dùng dạy học làm thêm: 3 sản phẩm/1 học kì.

5. Công tác bồi dưỡng giáo dục

- Sinh hoạt chuyên môn trường: Theo kế hoạch của chuyên môn trường.

- SHCM cấp tổ:

+ Tháng 9: Lập kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 2.

+ Tháng 10: Dạy minh họa môn Tiếng Việt lớp 2.

+ Tháng 11: lập kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 3

+ Tháng 12: dạy minh họa môn Toán lớp 3.

+ Tháng 1: Lập kế hoạch môn Tin học lớp 3.

+ Tháng 2: Dạy minh họa môn Tin học lớp 3.

+ Tháng 3: Lập kế hoạch môn Tiếng Anh lớp 3.

+ Tháng 4: Dạy minh họa môn Tiếng Anh lớp 3.

+ Tháng 5: Lập kế hoạch và dạy minh họa môn Đạo đức lớp 3

IV. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

(Có phân phối chương trình kèm theo)

V. Nội dung và giải pháp thực hiện

1- Biện pháp duy trì số lượng học sinh:

a. Nội dung

Duy trì 139/139 em đạt tỷ lệ 100%.

b. Giải pháp

- Để đạt được mục tiêu huy động được 100% số học sinh trong độ tuổi ra lớp, chuyên môn nhà trường tích cực cùng ban giám hiệu cử giáo viên đến từng gia đình ở từng bản để kiểm tra học sinh trong độ tuổi huy động hết ra lớp.

- Phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể chính quyền xã, các trưởng bản, cha mẹ học sinh với quyết tâm không để học sinh thất học.

- Tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm, các buổi giao lưu tiếng Việt tại trường để học sinh yêu trường yêu lớp, thầy cô, bạn bè từ đó tham gia đi học chuyên cần.

- Tạo môi trường học tập thân thiện, an toàn, xanh - sạch - đẹp.

2. Chuyên môn dạy và học.

a) Thực hiện chương trình giáo dục

- Thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh thực tế từng địa phương, điều kiện thực tế của mỗi nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo quy định của Chương trình GDPT 2018 đối với học sinh lớp 2, 3; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, lịch sử truyền thống của địa phương.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút, tối thiểu là 9 buổi/tuần với 32 tiết/tuần, kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình. Tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.

- Thực hiện tích hợp giáo dục nội dung giáo dục Quốc phòng vào các môn học theo Thông tư 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/05/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn giáo dục Quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học và THCS. (8 bài/năm)

- Dạy học lồng ghép Tăng cường tiếng Việt, giáo dục kỹ năng sống, Phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu,...
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với học sinh lớp 2, 3.

b) Giải pháp

- Tiếp tục chỉ đạo đội ngũ giáo viên trong tổ khối đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học.
- Thực hiện theo Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh thực tế từng địa phương, điều kiện thực tế của mỗi nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.
- Thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học tự chọn, đảm bảo tổng số tiết/năm học được quy định trong chương trình cấp tiểu học. Bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình; tạo môi trường cho học sinh được trải nghiệm, vận dụng kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được trong chương trình các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn.
- Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên cần nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa; đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường và đặc điểm đối tượng học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện, nguồn học liệu, thiết bị dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối chương trình dạy học linh hoạt phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện tổ chức dạy học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất.
- Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc viết

cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt (thời lượng 01 tiết/tuần), ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

- Tham gia giao lưu viết chữ đẹp, Toán, Tiếng Việt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục văn hóa cho học sinh.

- Thực hiện hiệu quả việc dạy học cả ngày theo hướng dẫn tại công văn số 3316/BGDĐT-GDTH ngày 07/7/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức thực hiện lớp học linh hoạt, lớp ghép nhằm đảm bảo quyền lợi học tập của học sinh.

- Xây dựng môi trường giao tiếp Tiếng Việt cho học sinh thông qua hoạt động dạy học tiếng Việt trong các môn học và hoạt động giáo dục; tổ chức các trò chơi học tập, các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, làm truyện tranh, cây từ vựng...;

- Tham gia ngày hội đọc, thi kể chuyện, giai điệu tuổi hồng, giao lưu “Tiếng Việt của chúng em” tại lớp, giữa các lớp cùng khối, trong trường và cụm trường thường xuyên, định kỳ đảm bảo đơn giản, gọn nhẹ và hiệu quả.

- Thực hiện sinh hoạt chuyên môn tổ, khối 1 buổi/tháng, mỗi buổi 3 tiết, mỗi tiết 45 phút.

- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối lớp trong trường hoặc cụm trường; Chú trọng đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, xem video tiết học, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Văn bản số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện quay video tiết dạy làm kho bài giảng điện tử 1 tiết/kỳ.

- Dự giờ đồng nghiệp 1 tiết/tuần để học tập và trao đổi kinh nghiệm.

- Thực hiện công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo Thông tư số 20/2018TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 và công văn số 4530/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01/10/2018.

- Khảo sát trình độ nhận thức của học sinh, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm nâng cao chất lượng dạy học khái niệm Toán học, dạy đại lượng, giải toán, dạy Tiếng Việt cho học sinh dân tộc, dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, giáo dục lối sống, rèn luyện phẩm chất cho học sinh.

- Thực hiện dạy học phù hợp với đối tượng học sinh trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình các môn học.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học có hiệu quả.

- 100% gv sử dụng hệ thống ”Trường học kết nối” khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên toàn cấp học trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng.

3. Chất lượng giáo dục

- Đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT

4. Nội dung giáo dục.

4.1. Giáo dục địa phương

- Yêu cầu: Xây dựng, phát triển tư duy, bồi dưỡng phát triển kỹ năng sống, nhân cách con người Việt Nam, yêu Tổ quốc, niềm tự hào, tự tôn dân tộc Việt Nam, có ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần đoàn kết, yêu đồng bào.

Giáo dục địa phương phải phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi, được tiến hành tích hợp, lồng ghép thông qua nội dung các bài học đã có trong chương trình, sách giáo khoa và thông qua các hoạt động ngoại khóa: tham quan di tích lịch sử; bảo tàng, nhà truyền thống, đơn vị lực lượng vũ trang; đọc sách, nghe, thi kể chuyện truyền thống, các cuộc thi tìm hiểu về địa phương.

Đổi mới nội dung và phương pháp dạy học theo hướng dạy học lý thuyết gắn thực tiễn, đảm bảo các yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ trong từng môn học, tăng cường các hoạt động vận dụng của học sinh

- Nội dung: Dạy học tích hợp tập trung vào lịch sử hình thành và phát triển, truyền thống quê hương; lễ hội, nghệ thuật truyền thống, di tích lịch sử, danh nhân văn hóa; phong tục, tập quán địa phương; Địa lý, dân cư; cảnh quan thiên nhiên, môi trường tự nhiên; ngành nghề, làng nghề truyền thống của địa phương; Một số nội dung về kinh tế, xã hội, chính sách an sinh xã hội; giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; xây dựng nếp sống văn minh, tôn trọng kỉ cương, pháp luật; bảo vệ môi trường tự nhiên tại địa phương.

Khuyến khích giáo viên sưu tầm thêm các tranh ảnh, clip, hiện vật, tấm gương độc đáo về nội dung có liên quan đến giáo dục địa phương.

- Hình thức: Dạy học tích hợp các bài học ở các môn: Tiếng Việt, TN&XH, Hoạt động trải nghiệm, Đạo đức và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa như thi viết, vẽ tranh, kể chuyện, giới thiệu tài liệu, sách, ... về nội dung giáo dục địa phương.

Tổ chức hoạt động trải nghiệm, sáng tạo.

4.2. Giáo dục An toàn giao thông

- Yêu cầu: Tuyên truyền, giáo dục sâu rộng pháp luật về trật tự, an toàn giao thông, nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa giao thông, văn hóa ứng xử khi tham gia giao thông cho học sinh và cha mẹ học sinh.

Nâng cao ý thức an toàn giao thông và kỹ năng tham gia giao thông an toàn cho học sinh khối 2 + 3.

Sau khi được học các bài lồng ghép “ATGT”, học sinh có đủ hiểu biết và kỹ năng tham gia giao thông an toàn.

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc chấp hành các quy định của pháp

luật về an toàn giao thông, văn hóa giao thông trong học sinh.

Giảm hành vi vi phạm pháp luật về trật tự ATGT và giảm tối đa tai nạn giao thông trong giáo viên và học sinh.

Xây dựng thói quen cư xử có văn hóa, đúng pháp luật, không vi phạm quy tắc giao thông, hình thành ý thức tự giác tuân thủ pháp luật khi tham gia giao thông; tạo môi trường giao thông trật tự, an toàn, văn minh, thân thiện.

- Nội dung triển khai: Tổ chức giảng dạy lồng ghép 05 bài học trong tài liệu “Nụ cười trẻ thơ” dành cho học sinh tiểu học lồng ghép vào các môn Tiếng Việt, TNXH, Đạo đức, sinh hoạt tập thể, tiết hoạt động trải nghiệm.

- Hình thức thực hiện:

+ Trong giờ lên lớp: Ưu tiên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh, lấy học sinh làm trung tâm, tìm tòi, lĩnh hội kiến thức.

Sử dụng các câu khẩu hiệu, dễ nhớ để học sinh dễ nhớ và thực hiện hơn.

Tìm hiểu kỹ đặc trưng năng lực mỗi học sinh, nhóm học sinh để giao nhiệm vụ học tập cho phù hợp.

Chủ động tìm thêm tài liệu tranh, ảnh, video về an toàn giao thông hay, lạ để đưa vào các bài dạy tạo hứng thú cho học sinh.

Tổ chức các trò chơi tìm hiểu an toàn giao thông.

4.3. Hoạt động trải nghiệm

- Thực hiện tổ chức dạy học các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh thông qua hoạt động SHDC, HĐGD theo chủ điểm, SHL. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; Giáo dục kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kỹ năng sống, các kỹ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước, ...

- GV phối hợp với Tổng phụ trách tổ chức các HĐSHDC bằng các hình thức: trải nghiệm, giao lưu, trò chơi sao cho phù hợp.

- Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”,...

4.4. Dạy học dạy học lồng ghép, tích hợp:

- Giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm cho học sinh,...: Giáo dục cho HS những kỹ năng cơ bản, cần thiết, hướng tới hình thành những thói quen tốt giúp HS thành công trong hoạt động học tập cũng như trong cuộc sống.

- Xây dựng kế hoạch chương trình dạy lồng ghép, dạy tích hợp kỹ năng sống vào các môn học một cách linh hoạt, hiệu quả.

- Công tác giáo dục Quốc phòng - An ninh, biển đảo Việt Nam,...: Nội dung

dạy học lồng ghép được thực hiện thông qua các môn học: Tiếng việt, Đạo đức, Tự nhiên – xã hội, Lịch sử và Địa lí tập trung vào tinh thần đoàn kết, yêu nước, truyền thống lịch sử của Việt Nam trong dựng nước và giữ nước; truyền thống trong quân đội và công an; một số kỹ năng phù hợp với sự phát triển của xã hội; giáo dục tình yêu quê hương, yêu hòa bình và yêu tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Địa chỉ các bài và nội dung dạy học các môn theo tài liệu giáo dục lồng ghép do Bộ GD-ĐT ban hành (Thông tư số 08/2024/BGD)

Bồi dưỡng cho học sinh về tình yêu quê hương, yêu hòa bình, yêu Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giới thiệu một số hình ảnh về Quân đội Nhân dân Việt Nam và Công an Nhân dân Việt Nam; một số di tích lịch sử của địa phương.

a. Giáo dục STEM.

- Yêu cầu: + Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDTH ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

+ Tổ chức các hoạt động giáo dục STEM bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh và điều kiện của nhà trường; thúc đẩy tổ chức dạy học tích hợp, không gây áp lực, quá tải cho học sinh và giáo viên.

- Nội dung: Dạy học tích hợp, tạo cơ hội cho học sinh huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc các lĩnh vực Khoa học (Science), Công nghệ (Technology), Kỹ thuật (Engineering) và Toán học (Mathematics) để phát triển phẩm chất, năng lực và giải quyết hiệu quả các vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

- Các hình thức tổ chức giáo dục STEM:

+ Bài học STEM: Dạy học các môn học theo bài học STEM, tổ chức dạy học thực hiện tích hợp nội môn hoặc liên môn.

Nội dung và yêu cầu cần đạt của bài học STEM bám sát yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học. Thời lượng tổ chức thực hiện bài học STEM được xây dựng dựa trên thời lượng các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan đến bài học STEM một cách khoa học, linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, không gây quá tải đối với học sinh và giáo viên và được thể hiện trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo quy định.

b. Dạy học tích hợp quyền con người

- Mục tiêu giáo dục quyền con người :

+ Bước đầu hiểu được một số kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ của con người, của công dân.

+ Bước đầu hình thành kỹ năng tự bảo vệ quyền của bản thân và của người khác, hình thành thái độ tôn trọng quyền con người.

- Nội dung giáo dục quyền con người:

+ Một số kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, giá trị về quyền con người

(bình đẳng, không phân biệt đối xử, khoan dung và tôn trọng sự khác biệt,...);

+ Các quyền con người của trẻ em đã được pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam quy định.

- Chương trình giáo dục quyền con người:

Nội dung dạy học lồng ghép được thực hiện thông qua các môn học: Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên và xã hội, HĐTN. Quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể; quyền bí mật về đời sống riêng tư; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do đi lại và cư trú; quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo; quyền tự do ngôn luận; quyền bảo vệ, chăm sóc sức khỏe;

c. Dạy học tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng đạo đức, lối sống.

- Giáo dục về quyền con người, bao gồm cung cấp kiến thức và sự hiểu biết về các quy tắc và nguyên tắc về quyền con người, các giá trị nền tảng của quyền con người và các cơ chế bảo vệ quyền con người; các quyền con người cơ bản; trách nhiệm bảo đảm từ phía Nhà nước, xã hội đối với việc thực hiện quyền con người, quyền và bổn phận trẻ em.

- Giáo dục thông qua quyền con người, bao gồm việc học tập và giảng dạy theo cách thức tôn trọng các quyền của cả người dạy và người học.

- Giáo dục vì quyền con người, bao gồm việc trao quyền cho mọi người để có thể thụ hưởng và thực thi các quyền của họ và để tôn trọng và phát huy các quyền của người khác.

d. Dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số

- Giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh là tập trung vào việc giáo dục tư duy khoa học máy tính, tư duy giải quyết vấn đề và sinh sống, hoạt động một cách an toàn, chính trực và hiệu quả trong thế giới số.

- Chương trình GDPT 2018 đều hàm chứa những nội dung, cơ hội hình thành và phát triển năng lực giáo dục kỹ năng công dân số vào quá trình dạy học theo chủ đề theo từng giai đoạn trong năm học.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả giáo dục kỹ năng số, đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

- Chủ động tăng cường khai thác các nguồn lực nhằm tăng cường thiết bị dạy học hiện đại, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ thông tin, phần mềm dạy học cho học sinh thông qua dạy học các môn học.

5. Các năng lực

a. Nội dung

*** Năng lực chung (03 năng lực)**

- Tự chủ và tự học: Tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công hướng dẫn. Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình: Thực hiện đúng kế hoạch học tập, lao động, không mãi chơi, ảnh hưởng đến việc học và các việc khác. Hòa nhã với mọi người, không nói hoặc làm

những điều xúc phạm người khác. Nhận biết và bày tỏ được tình cảm, cảm xúc của bản thân; biết chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bản thân với người khác. Tự học, tự hoàn thiện: Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học.

- Giao tiếp và hợp tác: Tập trung chú ý khi giao tiếp, nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; Nhận ra được ý nghĩa của giao tiếp trong việc đáp ứng các nhu cầu của bản thân; Tiếp nhận được những văn bản về đời sống, tự nhiên và xã hội có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh như truyện tranh, bài viết đơn giản; Bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để trình bày thông tin và ý tưởng. Biết cách kết bạn và giữ gìn tình bạn; Nhận ra được những bất đồng, xích mích giữa bản thân với bạn; biết nhường bạn hoặc thuyết phục bạn. Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập, biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô. Hiểu được nhiệm vụ của nhóm và trách nhiệm, hoạt động của bản thân trong nhóm sau khi được hướng dẫn, phân công. Biết cố gắng hoàn thành phần việc mình được phân công và chia sẻ giúp đỡ thành viên khác cùng hoàn thành việc được phân công.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn. Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi. Nêu được cách giải quyết vấn đề đơn giản theo hướng dẫn. Nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng xung quanh, không e ngại nêu ý kiến cá nhân trước các thông tin khác nhau về sự vật, hiện tượng, sẵn sàng thay đổi khi nhận ra sai sót.

*** Năng lực đặc thù (07 năng lực)**

- Ngôn ngữ:

+ HS đọc đúng, trôi chảy và diễn cảm văn bản; hiểu được nội dung chính của văn bản; hiểu nội dung cụ thể, hiểu chủ đề, hiểu bài học rút ra được từ văn bản.

+ HS viết được bài văn ngắn hoàn chỉnh, chủ yếu là bài văn kể, tả và bài giới thiệu đơn giản.

+ HS trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc; bước đầu biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói.

+ HS nghe hiểu với thái độ phù hợp và nắm được nội dung cơ bản; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe.

- Tính toán:

+ HS thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát.

+ HS nêu được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.

+ HS Lựa chọn được các phép toán, công thức số học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn đơn giản.

+ HS Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi.

+ HS trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (chưa yêu cầu phải diễn đạt đầy đủ, chính xác). Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề.

+ HS sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

+ HS nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản (que tính, thẻ số, thước, compa, êke, các mô hình hình phẳng và hình khối quen thuộc,...) Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản.

- Khoa học:

+ HS kể tên, nêu, nhận biết được một số sự vật và hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và đời sống, bao gồm một số vấn đề về chất, năng lượng, thực vật, động vật, nấm và vi khuẩn, con người và sức khỏe, sinh vật và môi trường.

+ HS quan sát và đặt được câu hỏi về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật bao gồm con người và vấn đề sức khỏe.

+ HS thu thập được các thông tin về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và sức khỏe bằng nhiều cách khác nhau (quan sát các sự vật và hiện tượng xung quanh, đọc tài liệu, hỏi người lớn, tìm trên Internet,...).

+ HS sử dụng được các thiết bị đơn giản để quan sát, thực hành, làm thí nghiệm tìm hiểu những sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và ghi lại các dữ liệu đơn giản từ quan sát, thí nghiệm, thực hành,...

+ HS giải thích được một số sự vật, hiện tượng và mối quan hệ trong tự nhiên, về thế giới sinh vật, bao gồm con người và các biện pháp giữ gìn sức khỏe.

+ HS giải quyết được một số vấn đề thực tiễn đơn giản trong đó vận dụng kiến thức khoa học và kiến thức kỹ năng từ các môn học khác có liên quan

- Công nghệ:

+ HS sử dụng được một số sản phẩm công nghệ thông dụng trong gia đình đúng cách, an toàn.

+ HS thiết kế được sản phẩm thủ công kỹ thuật đơn giản.

+ HS trao đổi được một số thông tin đơn giản về các sản phẩm công nghệ trong phạm vi gia đình, nhà trường.

+ HS nhận xét được ở mức độ đơn giản về sản phẩm công nghệ thường gặp.

+ HS nhận biết được vai trò của công nghệ đối với đời sống trong gia đình, ở nhà trường.

- Tin học:

+ Bước đầu hình thành cho học sinh tư duy giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính: Hình thành nhu cầu thu thập, sử dụng thông tin, ý tưởng điều khiển máy tính thông qua việc tạo chương trình đơn giản bằng ngôn ngữ lập trình trực quan.

+ Giúp học sinh sử dụng phần mềm tạo ra được những sản phẩm số đơn giản như một văn bản ngắn, thiệp chúc mừng, đoạn hoạt hình vui,...

+ Giúp học sinh bước đầu quen với công nghệ kỹ thuật số thông qua việc sử dụng máy tính để vui chơi, học tập, xem và tìm kiếm thông tin trên Internet; rèn luyện cho học sinh một số kỹ năng cơ bản trong sử dụng máy tính; biết bảo vệ sức khỏe khi sử dụng máy tính, bước đầu có ý thức phòng tránh những tác hại khi sử dụng Internet và ý thức tôn trọng bản quyền.

- Thẩm mỹ:

- + HS biết quan sát và nhận thức thẩm mỹ.
- + HS sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ.
- + HS biết phân tích và đánh giá thẩm mỹ.

- Thể chất:

- + HS biết và bước đầu thực hiện được vệ sinh cá nhân, vệ sinh chung và vệ sinh trong tập luyện thể dục thể thao.
- + HS biết và bước đầu thực hiện được một số yêu cầu cơ bản của chế độ dinh dưỡng để bảo vệ, tăng cường sức khỏe.
- + HS nhận biết được các vận động cơ bản trong chương trình môn học.
- + HS thực hiện được các kỹ năng vận động cơ bản.
- + HS nhận biết được vai trò của hoạt động thể dục thể thao đối với cơ thể.
- + HS thực hiện được kỹ thuật cơ bản của một số nội dung thể thao phù hợp với bản thân.

b. Giải pháp

- Giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá; căn cứ vào những biểu hiện về nhận thức, hành vi, thái độ của học sinh; đối chiếu với yêu cầu cần đạt của từng năng lực cốt lõi theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học để nhận xét và có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

- Học sinh được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực cốt lõi để hoàn thiện bản thân.

- Cha mẹ học sinh trao đổi, phối hợp với giáo viên để động viên, giúp đỡ học sinh rèn luyện và phát triển từng năng lực cốt lõi.

6. Các phẩm chất

a. Nội dung

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên và có những việc làm thiết thực bảo vệ thiên nhiên; Yêu quê hương, yêu Tổ quốc, tôn trọng các biểu trưng của đất nước. Kính trọng biết ơn người lao động, người có công với quê hương, đất nước; tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa đối với những người có công với quê hương, đất nước.

- Nhân ái: Biết yêu quý mọi người. Yêu thương, quan tâm, chăm sóc người thân trong gia đình. Yêu quý bạn bè, thầy cô; quan tâm, động viên, khích lệ bạn bè. Tôn trọng người lớn tuổi; giúp đỡ người già, người ốm yếu, người khuyết tật, nhường nhịn và giúp đỡ em nhỏ. Biết chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, các bạn ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật và đồng bào bị ảnh hưởng của thiên tai. Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình. Không phân biệt đối xử, chia rẽ các bạn.

- Chăm chỉ: Ham học. Đi học đầy đủ, đúng giờ. Thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập. Ham học hỏi, thích đọc sách để mở rộng hiểu biết. Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng được học ở nhà trường vào đời sống hàng ngày. Thường xuyên tham gia các công việc gia đình vừa sức với bản thân. Thường xuyên tham gia các công việc của trường, lớp, cộng đồng vừa sức với bản thân.

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong học tập, lao động và sinh hoạt hàng ngày; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình. Luôn giữ lời hứa; mạnh dạn nhận lỗi, sửa lỗi và bảo vệ cái đúng, cái tốt. Không tự tiện lấy đồ vật, tiền bạc của người thân, thầy cô và những người khác. Không đồng tình với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân. Có ý thức giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, chăm sóc sức khỏe, sinh hoạt nề nếp, trách nhiệm với gia đình. Có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ dùng cá nhân và gia đình. Không bỏ thừa đồ ăn, thức uống, có ý thức tiết kiệm tiền bạc, điện nước trong gia đình. Tự giác thực hiện nghiêm túc nội quy của nhà trường và các quy định, quy ước của tập thể; giữ vệ sinh chung; bảo vệ của công. Không gây mất trật tự, cãi nhau, đánh nhau. Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi. Luôn có ý thức chăm sóc, bảo vệ cây xanh và các con vật có ích. Có ý thức giữ vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi.

b. Giải pháp.

- Giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá; căn cứ vào những biểu hiện về nhận thức, hành vi, thái độ của học sinh; đối chiếu với yêu cầu cần đạt của từng phẩm chất chủ yếu theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học để nhận xét và có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

- Học sinh được tự nhận xét và được tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng phẩm chất chủ yếu để hoàn thiện bản thân.

- Cha mẹ học sinh trao đổi, phối hợp với giáo viên để động viên, giúp đỡ học sinh rèn luyện và phát triển từng phẩm chất chủ yếu.

b. Giải pháp

- Thông qua các bài học Tiếng Việt, Giáo dục lối sống, ... và các hoạt động giáo dục ngoại khóa giáo dục các em tình cảm gia đình, thầy cô, bạn bè, quê hương đất nước. Chỉ ra các việc làm thiết thực, phù hợp với lứa tuổi các em để từ đó các em có thái độ, trách nhiệm đúng đắn với từng việc làm, hành động, lời nói của mình.

- Khuyến khích các em mạnh dạn trao đổi, chia sẻ những ý kiến chưa hiểu, chưa rõ. Nêu gương những việc làm tốt, chỉ ra những việc làm chưa đúng để từ đó học sinh nhận ra và sửa lỗi. Phân công công việc, gán trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên để mỗi em thấy được vai trò trách nhiệm của mình đối với bản thân, của bản thân đối cộng đồng.

- Phối kết hợp với các phụ huynh, nhà trường, đoàn thể nêu gương người tốt việc tốt để học sinh học tập. Thường xuyên động viên, nhắc nhở em Phương và gia đình cho em đi học đều. Thông qua các buổi sinh hoạt Đội, các HĐ tập thể, môn học giáo dục lối sống, tuyên truyền GD các em truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và các ngày lễ lớn như: 20/11, 22/12, 26/3, 03/2, 8/3; 19/5,... để các em thêm yêu quê hương đất nước, yêu thầy cô, bạn bè, gia đình...

- Thường xuyên nhắc nhở, giao trách nhiệm cho ban vệ sinh, CSVC làm tốt nhiệm vụ giữ gìn tài sản của cá nhân, lớp, trường, ... Động viên khen thưởng kịp thời những học sinh có biểu hiện tốt hoặc tiến bộ.

- Hàng tháng, giáo viên thông qua quá trình quan sát, ý kiến trao đổi với cha mẹ học sinh và những người khác (nếu có) để giáo dục học sinh ngày một tiến bộ.

- Giáo viên luôn quan tâm đến tất cả các đối tượng học sinh trong lớp, giải quyết, chia sẻ những khó khăn của học sinh trong học tập.

- Phối kết hợp với các tổ chức trong nhà trường và ngoài nhà trường nêu gương người tốt việc tốt để học sinh học tập.

7- Biện pháp kiểm tra đánh giá của tổ trưởng

7.1- Xây dựng nội dung kiểm tra đánh giá về chuyên môn nghiệp vụ của cho GV

- Kiểm tra đánh giá dưới nhiều hình thức (đột xuất, thường xuyên, định kỳ)

- Tổ chức kiểm tra đánh giá linh hoạt với nhiều nội dung toàn diện thiết thực nhằm thúc đẩy hoạt động dạy và học cụ thể là:

+ Dự giờ.

+ Kiểm tra chất lượng cuối giờ.

+ Kiểm tra việc sử dụng thiết bị dạy học.

+ Kiểm tra hồ sơ lên lớp.

+ Kiểm tra công tác bảo quản sắp đặt thiết bị tại thư viện dùng chung.

+ Kiểm tra việc đánh giá xếp loại HS.

+ Kiểm tra các hoạt động tại lớp chủ nhiệm.

7.2- Công tác kiểm tra đánh giá số lượng, chất lượng giáo dục:

- Kiểm tra đánh giá dưới nhiều hình thức (đột xuất, thường xuyên, định kỳ)

- Tổ chức kiểm tra đánh giá linh hoạt với nhiều nội dung toàn diện thiết thực nhằm thúc đẩy hoạt động dạy và học cụ thể là:

+ Kiểm tra sĩ số

+ Chất lượng cuối giờ

+ Phong trào VSCĐ

+ Ứng dụng công nghệ thông tin

+ Sử dụng đồ dùng dạy học

Trên đây là kế hoạch hoạt động chuyên môn của tổ khối 2+3 trong năm học 2025 – 2026. Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các đồng chí giáo viên trong tổ thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã đề ra./

Phó hiệu trưởng

Người lập kế hoạch

Lê Thị Thanh Lý

Nguyễn Thị Thủy